

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 36 /2013/QĐ-UBND

An Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 8200..... Ngày: 21/10/2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia
đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về mức thu phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 597/TTr-STC ngày 24 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Ban hành quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng nộp phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đối tượng nộp phí đấu giá: Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (gọi tắt là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP) phải nộp phí đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, trừ trường hợp bán đấu giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các trường hợp do Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện.

2. Đối tượng nộp phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất:

- Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP phải nộp phí tham gia đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá tài sản.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Quyết định 216/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất phải nộp phí tham gia đấu giá cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 3. Đơn vị thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá

1. Hội đồng bán đấu giá tài sản;
2. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản;
3. Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (trừ đấu giá quyền sử dụng đất).

Điều 4. Mức thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá

1. Mức thu phí đấu giá tài sản bán:

Mức thu phí đấu giá được tính trên giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá, như sau:

STT	Giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá	Mức thu tối đa (đồng)
1	Dưới 50 triệu đồng	5% giá trị tài sản bán được
2	Từ 50 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	2,5 triệu đồng + 1,5% giá trị tài sản bán được vượt quá 50 triệu đồng
3	Từ trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	16,75 triệu đồng + 0,2% giá trị tài sản bán được vượt quá 1 tỷ đồng
4	Từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng	34,75 triệu đồng + 0,15% giá trị tài sản bán được vượt quá 10 tỷ đồng
5	Từ trên 20 tỷ đồng	49,75 triệu đồng + 0,1% giá trị tài sản bán được vượt quá 20 tỷ đồng. Tổng số phí đấu giá không quá 300 triệu đồng/cuộc đấu giá

2. Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này):

STT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	50.000
2	Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000
4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000

Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án, cơ quan tài chính thanh toán cho tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý quy định tại Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất:

a) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

STT	Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200 triệu đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
3	Trên 500 triệu đồng	500.000

b) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

STT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	3.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	4.000.000
4	Từ trên 5 ha	5.000.000

Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đã nộp trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên đấu giá.

Điều 5. Quản lý, sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá

1. Đối với phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản:

- Hội đồng bán đấu giá tài sản được sử dụng số tiền phí thu được để trang trải các chi phí cho Hội đồng bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật, nếu thừa nộp vào ngân sách nhà nước;

- Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài thu được như sau:

+ Trường hợp Trung tâm dịch vụ bán đấu giá đã được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc tổ chức bán đấu giá thì phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Trường hợp Trung tâm dịch vụ bán đấu giá chưa được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc tổ chức bán đấu giá thì được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải cho việc bán đấu giá và thu phí theo quy định của pháp luật, 10% số phí thu được nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với đơn vị thu phí là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản (trừ bán đấu giá quyền sử dụng đất): Phí đấu giá, phí tham gia đấu giá thu được là khoản thu

không thuộc ngân sách nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế và quyết toán thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với số phí thu được.

2. Đối với phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá áp dụng đối với đơn vị thu phí thuộc địa phương quản lý.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Chánh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đài PTTH An Giang, Báo An Giang;
- Website tỉnh An Giang;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Phòng: KT, NC, TH, XDCB, VHXX;
- Lưu VT.



Chánh
Vương Bình Thạnh